TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ HÀ NỘI	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40 /2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 16/07/2020

V/v: Ly hôn giữa chị Nguyễn Kim Quyên và anh Nguyễn Xuân Giang

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Ông Quách Mạnh Thành***

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Minh

2. Bà Nguyễn Thị Lan

Thư ký phiên toà: ***Bà Đặng Thị Thanh Hoa*** *- Thư ký Toà án nhân dân quận Hoàng Mai.*

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai: ***Bà Bùi Vũ Ngọc Trang*** *- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*

Ngày 16/ 07/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 1202/2019/TLST- HNGĐ ngày 30tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp: Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXX-ST ngày 15/06/2020 và quyết định hoón phiờn tũa số 53/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/07/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Kim Q, sinh năm 1979*

HKTT và trú tại: Số 16/208 phố L, phường K - quận T- Hà Nội.

Bị đơn: *Anh Nguyễn Xuân G, sinh năm 1962*

HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Tổ 18, - phường Y- quận H- Hà Nội

(Có mặt chị Q, vắng mặt anh G).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai tại Tòa án là chị Nguyễn Kim Q trình bày:

- Về tình cảm: Chị Q, anh G lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 06/03/2001 tại Ủy ban nhân dân phường Nam Sơn, Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bỡnh trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Đây là lần kết hôn lần thứ nhất của chị Q.

Sau khi kết hôn chị Q, anh G chung sống tại số nhà 16/208 phố Lê T, phường K , quận T, Hà Nội. Chị Q, anh G chung sống hạnh phúc đến tháng 01năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là không đồng nhất quan điểm, hai vợ chồng thường xuyên cói vó, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tỡnh cảm vợ chồng khụng cũn. Được hai bên gia đỡnh và tổ dõn phố hũa giải nhiều lần nhưng chúng tôi vẫn không thể hàn gắn lại. Mâu thuẫn đỉnh điểm là vào ngày 25/5/2018 chỳng tụi cói nhau và anh Giang về sống tại tổ 18, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Chúng tôi sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Q có nguyện vọng xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân G

- Về con chung: Chúng tôi không có con chung.
- Về tài sản chung: Động sản và bất động sản: Chúng tôi không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí*:* Tôi tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên toà, chị Q vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bầy.

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Xuân G theo quy định tại khoản 4,5 điều 177 Bộ luật TTDS năm 2015, anh G đã không có mặt tại mơi cư trú , Tũa ỏn nhõn dõn quận Hoàng

Mai đó làm thủ tục niờm yết cụng khai theo quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Để đảm bảo cho việc tống đạt Tũa cũng tiến hành đăng tin trên báo

công lý, Đài phát thanh, Cổng thông tin điện tử nhưng anh G không đến Toà để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do vậy Toà án không có được lời khai của anh G. Căn cứ điều 228 bộ luật TTDS năm 2015 Toà án xét xử vắng mặt anh G

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có ý kiến: Tũa ỏn nhõn dõn quận Hoàng Mai đó thụ lý giải quyết vụ ỏn ly hụn theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.Việc thẩm phán tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên toà đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 243 đến điều 263 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Pháp luật. Bị đơn đó khụng thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự .Thời hạn xét xử trong thời hạn luật định.

Sau khi phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án, đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2015.*

- *Căn cứ điều 143; 147; 177,179, 180, 238, 271; Bộ luật Tố tụng dân sự 2015*

- *Căn cứ điểm e khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017.*

- *Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội.*

Tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Kim Q. Chị Q được ly hôn anh Nguyễn Xuân G

Con chung: Anh G, chị Q không có con chung nên không xét.

Tài sản chung và nợ chung: Chị Q khụng yờu cầu Tũa ỏn giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Chị Q khụng yờu cầu Tũa ỏn giải quyết nờn khụng xem xột giải quyết.

Căn cứ pháp lệnh, ỏn phớ Tũa ỏn buộc chị Quyờn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đó được xem xét tại phiên tũa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tũa ỏn nhõn dõn quận Hoàng Mai nhận định:

- Về thủ tục: Ngày 31/12/2019 Toà án nhân dân quận Hoàng Mai đã thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Kim Q và anh Nguyễn Xuân G theo đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4,khoản 5 điều 177 Bộ luật dân sự 2015. Anh G đã vắng mặt tại nơi cư trú, không biết thời gian trở về nờn Tũa ỏn nhõn dõn quận Hoàng Mai đó khụng thực hiện được việc tống đạt các văn bản tố tụng. Tũa ỏn nhõn dõn quận Hoàng Mai đó tiến hành thủ tục niờm yết cụng khai theo quy định tại điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 , để đảm bảo cho việc tống đạt hợp lệ Tũa ỏn nhõn dõn quận Hoàng Mai đó tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngoài ra anh G khụng cho biết hiện nay mỡnh đang cư trú tại đâu, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án . Đây được coi là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ, cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do vậy, căn cứ điểm e khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 và điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

-Về tình cảm: Chị Q, anh G lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 06/03/2001 tại Ủy ban nhân dân phường Nam Sơn, Thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bỡnh trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Q, anh G chung sống tại Số 16/208 phố L, phường K, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Chị Q, anh G chung sống hạnh phúc đến tháng 01năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh G, chị Q thường xuyên cói vó, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, tỡnh cảm vợ chồng khụng cũn. Được hai bên gia đỡnh và tổ dõn phố hũa giải nhiều lần nhưng anh G, chị Q vẫn không thể hàn gắn lại. Mâu thuẩn đỉnh điểm là vào ngày 25/5/2018 anh G, chị Q cói nhau và anh G bỏ nhà đi và về sống tại tổ 18, phường Y, quận H, Hà Nội và đã sống ly thân

từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Nay chị Q có nguyện vọng xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân G.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Kim Q, HĐXX thấy rằng hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm từ hai phía. Khi tình cảm không còn thì việc duy trì hôn nhân là không cần thiết bởi mức độ mâu thuẫn đã căng thẳng, việc đoàn tụ là rất khó. Về phía anh G không có biện pháp nào cải thiện quan hệ vợ chồng vốn đang căng thẳng bởi lẽ kể từ khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án, anh G không có mặt tại nơi cư trú, cố tỡnh khụng cho biết địa chỉ nơi ở mới. Qua đó anh G không thể hiện ý chí nguyện vọng, không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng, cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình. Do vậy, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh G đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là có cơ sở, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

-Về con chung: Anh G, chị Q không có con chung nên hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị Q không yêu cầu Tũa ỏn giải quyết. Vỡ vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

-Về quyền kháng cáo : Chị Nguyễn Kim Q và anh Nguyễn Xuân G được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

-Về án phí: Chị Quyên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ :

- *Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2015.*

- *Căn cứ điều 143; 147; 177,179, 180, 238, 271; Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.*

- *Căn cứ điểm e khoản 1 điều 192 Bộ luật tố tụng năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017.*

- *Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án và Nghị quyết số 326 /2016/UBTVQH14 ngày 26 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc hội.*

Xử:

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q. Chị Nguyễn Kim Q được ly hôn anh Nguyễn Xuân G

2. Về con chung: Anh G, chị Q không có con chung nên hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Chị Nguyễn Kim Q phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (Đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0005081 ngày 27/12/2019 của chi cục thi hành án quận Hoàng Mai)

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Q, vắng mặt anh G

- Chị Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.
- Anh G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND quận Hoàng Mai.
- Đương sự.
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Quách Mạnh Thành